

Ngày 28 tháng 04 năm 2022



**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần khai thác và chế biến Khoáng sản Lào Cai

Mã chứng khoán: LCM

Địa chỉ trụ sở chính: Số 28B, đường Phan Đình Giót, phường Lào Cai, TP Lào Cai, Lào Cai.

Điện thoại: (+84) 3830 036

Fax: (+84) 3830 036

Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Trường An

Địa chỉ: Số 28B, đường Phan Đình Giót, phường Lào Cai, TP Lào Cai, Lào Cai.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (+84) 3830 036

Fax: (+84) 3830 036

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung CBTT: Báo cáo thường niên 2021

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn www.khoangsanlaocai.com.vn của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền Công bố thông tin

NGÔ TRƯỜNG AN

Số: 01/BCTN- LCM

Lào Cai, ngày 28 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo 2021

Kính gửi: Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
Ủy ban chứng khoán nhà nước

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần khai thác và chế biến Khoáng sản Lào Cai**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5300208618
- Vốn điều lệ: 246.330.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 246.330.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
- Số điện thoại: 0203.830.036
- Số fax: 0203.830.036
- Website: www.khoangsanlaocai.com.vn
- Mã cổ phiếu: **LCM**

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai tiền thân là Công ty TNHH Gia Long được thành lập ngày 18 tháng 09 năm 2002 với số đăng ký kinh doanh là 12 02 000 192, Công ty TNHH Gia Long sau 06 lần thay đổi đăng ký doanh (lần cuối vào ngày 09 tháng 12 năm 2010), đã đổi tên thành Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai vào ngày 04 tháng 01 năm 2011. Trong quá trình hoạt động và phát triển của mình, Công ty luôn hoàn thành tốt các nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước.

Từ một doanh nghiệp Cổ phần tư nhân với vốn điều lệ ban đầu là 2.000.000.000 đồng, Công ty đã tiến hành tăng vốn lần thứ 1 lên 80.000.000.000 đồng vào ngày 15/02/2010 bằng hình thức góp thêm vốn của Cổ đông Công ty. Công ty hoàn tất việc tăng vốn lần thứ 2 vào ngày 30/12/2010 với vốn điều lệ là 85.680.000.000 đồng. Ngày 16/09/2011 Công ty Cổ Phần khai thác và chế biến Khoáng sản Lào Cai đã chính thức niêm yết và giao dịch ngày đầu tiên trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là: LCM.

Ngày 07/11/2012 Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ lên 214.200.000.000 đồng.

Ngày 01/07/2013 Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2012 để tăng vốn điều lệ lên 246.330.000.000 đồng.



2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

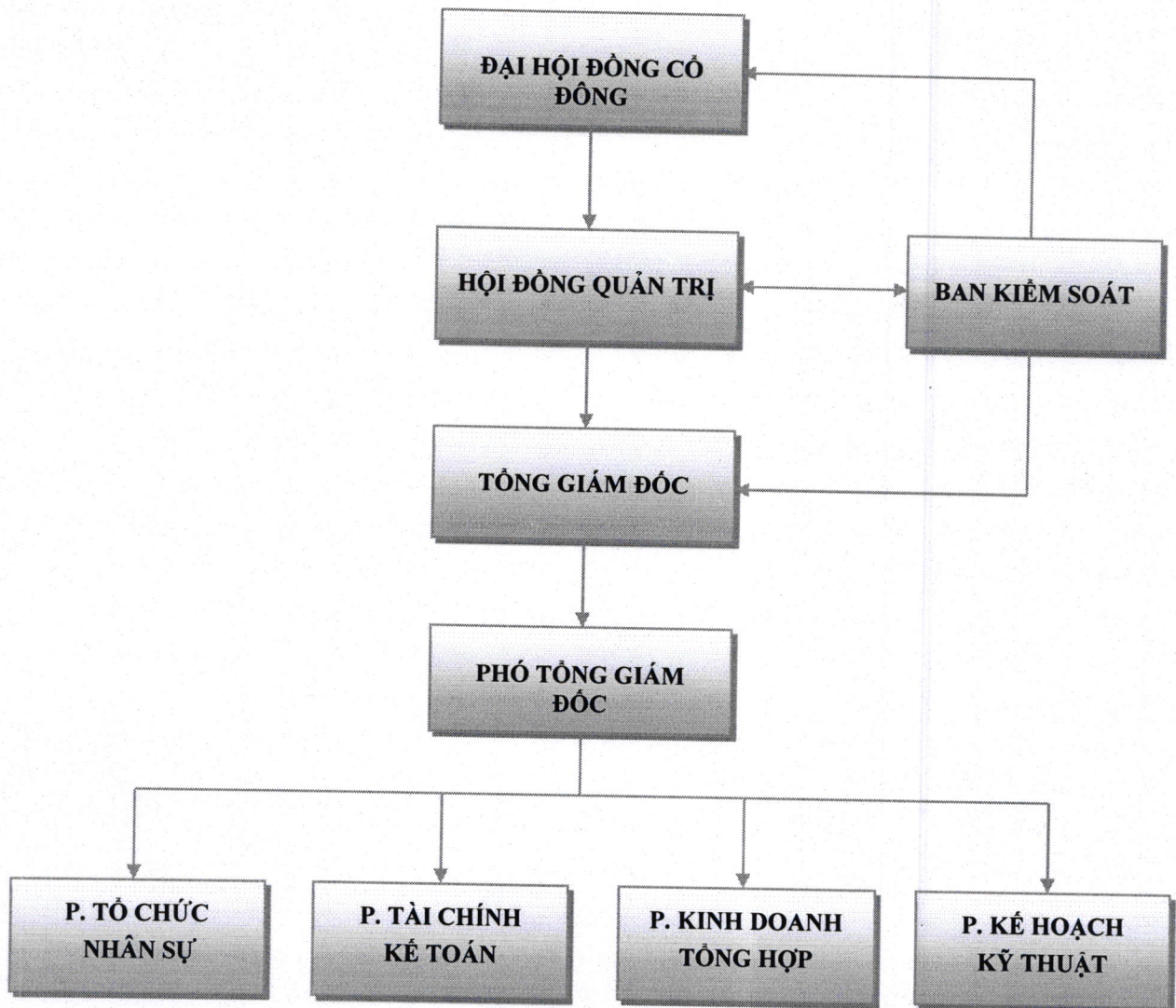
Khai thác quặng kim loại quý hiếm: Chi tiết: Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại đen, kim loại màu;

- Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Tư vấn hỗ trợ các hoạt động khai thác khoáng sản;
- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán, xuất nhập khẩu dầu thô, than và các sản phẩm của chúng;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

2.2. **Địa bàn kinh doanh:** Tập trung chủ yếu ở các tỉnh thành phía Bắc

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

* Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên.
- Quyết định số thành viên của HĐQT.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
- Các quyền khác được quy định tại điều lệ Công ty.

➤ **Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị do Đại hội cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc.
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho cá cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

➤ **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng Quản trị Công ty và Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật.
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty.
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, lý luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật.
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật và những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

✦ **Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát Công ty do Đại hội Cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Quyền và nghĩa vụ như sau:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc.
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

✦ **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm; chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê, hạch toán kinh tế và công tác tài chính của Công ty; thực hiện các công việc theo ủy quyền của Giám đốc Công ty.

✦ **Các phòng ban nghiệp vụ**

Phòng Tổ chức Nhân sự: có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty.
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban, chi nhánh và xí nghiệp của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban giám đốc Công ty.

Phòng Tài chính - Kế toán: có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.

- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.
- Phân tích tình hình tài chính trong khai thác mỏ, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban giám đốc.

Phòng Kinh doanh Tổng hợp: có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổ chức xây dựng các kế hoạch kinh doanh và tham mưu cho Hội đồng Quản Trị cũng như Ban Giám đốc định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Công ty. Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của từng phòng ban, từng đơn vị, phòng sẽ lập kế hoạch kinh doanh tổng thể trong từng quý, từng năm để trình Ban Giám đốc xem xét phê duyệt.

Phòng Kế hoạch kỹ thuật: có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng kế hoạch đầu tư sửa chữa máy móc, thiết bị tại các nhà máy, các xí nghiệp phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh và khai thác mỏ tại các xí nghiệp của công ty. Cố vấn cho Ban giám đốc kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị mới.
- Quản lý toàn bộ xưởng sửa chữa, thiết bị máy móc hiện có của Công ty.
- Lập kế hoạch và cung cấp vật tư theo tiến độ thực tế tại các nhà máy, công trường của Công ty.

3.3. Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn điều lệ (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu tính đến ngày 30/06/2021
Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình	Xóm Tân Lập, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản nhà nước cấm)	171.000.000.000	95%

3.4. Các công ty liên kết: không có

4. Định hướng phát triển.

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Kinh doanh hiệu quả, phát triển ổn định và bền vững.
- Đầu tư công nghệ, máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất, tập trung vào khai thác mỏ.
- Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, trong đó khai thác kinh doanh khoáng sản là ngành chủ đạo.
- Đào tạo đội ngũ CB-CNV có trình độ, có tác phong công nghiệp và kỷ luật cao.
- Đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Đầu tư sâu vào lĩnh vực khai thác và kinh doanh khoáng sản.

4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Tích cực tham gia vào bảo vệ môi trường và công tác xã hội nhằm xây dựng nông thôn mới và giúp đỡ địa phương theo khả năng thực tế của Công ty.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro về kinh tế

Năm 2021 là một năm đầy thách thức với nền kinh tế toàn cầu nói chung và trong nước nói riêng, do ảnh hưởng rất nặng nề của dịch bệnh Covid-19 kéo dài, phức tạp đã ảnh hưởng đến các doanh nghiệp, LCM cũng không ngoại lệ, Công ty cũng gặp phải những rủi ro đến từ các biến số kinh tế vĩ mô như tăng trưởng GDP, tỷ lệ lạm phát, kim ngạch xuất nhập khẩu, tỷ giá hối đoái, lãi suất,... Tuy nhiên nền kinh tế Việt Nam vẫn duy trì được sự ổn định và tăng trưởng, tổng sản phẩm quốc nội tăng 2,58% và chỉ số lạm phát (CPI = 1,84%), ngân hàng nhà nước thường xuyên cung cấp các gói hỗ trợ doanh nghiệp, tỷ giá hối đoái ổn định.

***Giải pháp:** Công ty thường xuyên theo dõi diễn biến kinh tế để có những đề án, chiến lược và kế hoạch cụ thể, linh hoạt, kịp thời ứng phó với rủi ro.

5.2. Rủi ro về luật pháp

Là Doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên hoạt động của Công ty tuân theo các văn bản pháp luật của Công ty Cổ phần, hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Quy chế giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các văn bản hướng dẫn thi hành... Mặc dù, trong nhiều năm qua, hệ thống luật pháp Việt Nam liên tục được hoàn thiện, song tính ổn định chưa cao, vẫn còn nhiều các quy định pháp luật đang trong giai đoạn hoàn thiện.

Bên cạnh đó Công ty hoạt động trong ngành khai thác khoáng sản vốn là ngành đặc thù và chịu những quy định của Nhà nước liên quan đến hoạt động của ngành khai thác khoáng sản.

***Giải pháp:** Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước... từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và phù hợp với từng thời kỳ.

5.3. Rủi ro cấp phép khai thác mỏ

Vì khoáng sản là tài nguyên quốc gia nên Luật Khoáng sản đưa ra những quy định nhằm quản lý chặt chẽ việc khai thác và chế biến khoáng sản để tránh lãng phí, tăng hiệu quả khai thác, chế biến và bảo vệ môi trường. Những luật này lại chưa hoàn thiện, các văn bản hướng dẫn thi hành luật còn chưa rõ ràng đã gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này. Những yêu cầu về công nghệ khai thác rất nghiêm ngặt, trong trường hợp không được cấp phép khai thác, doanh nghiệp sẽ bị lỗ một khoản chi phí rất lớn đến từ chi phí đầu tư ban đầu.

***Giải pháp:** Các hoạt động của Công ty luôn bám sát quy trình đã được xây dựng cụ thể về việc thăm dò, khảo sát địa chất cho từng hoạt động, dự án triển khai, nhằm hạn chế thấp nhất rủi ro và tiết kiệm tối đa chi phí cho hoạt động này.

5.4. Rủi ro khác

Các yếu tố thời tiết như nắng nóng khắc nghiệt, mưa, bão lũ, sạt lở ảnh hưởng lớn đến sản lượng khai thác mỏ đá và sản xuất tại nhà máy của Công ty.

***Giải pháp:** Để hạn chế những thiệt hại khi có bất khả kháng xảy ra, Công ty đã chủ động tham gia vào các hợp đồng bảo hiểm cho các dự án, công trình đang triển khai

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Năm 2021, do những diễn biến phức tạp của Dịch covid-19 trên toàn thế giới, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng nặng nề. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Năm 2021
1	Doanh thu thuần hợp nhất	20-50 tỷ	9,78
2	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	2-5 tỷ	-0,56

2. Tổ chức và nhân sự:

❖ Ban tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Đức Thắng	Tổng Giám đốc
2	Ông Ngô Trường An	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng

• Tổng Giám đốc - Ông NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Ngày tháng năm sinh : 30/03/1979

CMND : 111473848 Ngày cấp: 25/07/2012 Nơi cấp: CA TP Hà Nội

Địa chỉ thường trú : Nhà số 9 ngách 41, ngõ Chùa Nền, Phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội.

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện tử Viễn thông

Số CP nắm giữ : 14.000 cổ phần, chiếm 0,0000056% vốn điều lệ

• Phó Tổng Giám đốc - Ông NGÔ TRƯỜNG AN

Ngày tháng năm sinh : 07/02/1985

CMND : 090783419 Ngày cấp: 06/08/2020 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú : Ngõ 169 Phường Quang Trung, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn : Cử nhân

Số CP nắm giữ : 5750 cổ phần, chiếm 0,0000023% vốn điều lệ

• Kế toán trưởng - Bà NGUYỄN THỊ HOA

Ngày tháng năm sinh : 30/09/1960
 CMND : 063034972 Ngày cấp: 21/11/2007 Nơi cấp: CA Lào Cai
 Địa chỉ thường trú : Đường K3 - P.Phố Mới - TP Lào Cai
 Trình độ chuyên môn : Trung cấp Kế toán
 Số CP nắm giữ : 28750 cổ phần, chiếm 0,0000117% vốn điều lệ

- Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2021, Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai không có sự thay đổi về mặt nhân sự trong Ban điều hành.

❖ **Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
Phân theo trình độ		
Trên Đại học	2	5,71%
Đại học	5	14,29%
Cao đẳng/trung cấp	5	14,29%
Công nhân/kỹ thuật	23	65,71%
Phân theo giới tính		
Nam	20	57,14%
Nữ	15	42,86%
Tổng	35	100%

- Công ty thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Nhà nước.
- Chính sách đào tạo: Công ty cử CBCNV đi học các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ theo từng lĩnh vực chuyên môn nhằm mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên có tính chuyên nghiệp cao.
- Chế độ khen thưởng:
 - Thưởng cho CBCNV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
 - Thưởng cho CBCNV trong các dịp lễ, tết.
- Chế độ khác: Tổ chức chính quyền thường xuyên phối hợp với Công đoàn thực hiện các chế độ phúc lợi khác như trợ cấp khó khăn, chế độ cho lao động nữ, tạo điều kiện cho Đoàn thanh niên hoạt động, xét tặng tiền thưởng cho con CBCNV có thành tích cao trong học tập...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2021, Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai không có các khoản đầu tư lớn.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con: Trong năm 2021, Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình tập trung xây dựng hoàn thiện dự án nhà máy tuyển khoáng phục vụ khai thác mỏ đa kim tại Xóm Ngọc Lâm, xã Cao Răm, huyện Lương Sơn và bản Đàng Long xã Bắc Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, bên cạnh đó Công ty cũng tìm các đối tác để hợp tác kinh doanh trong việc khai thác mỏ. Hiện tại Công ty cũng đang thương thảo với các đối tác tiềm năng để sớm đưa nhà máy vào hoạt động để khai thác tối ưu tiềm năng khoáng sản của mỏ.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	249.832.682.625	248.373.943.851	-0,01%
Doanh thu thuần	31.437.792.800	9.787.945.600	-68,87%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-1.076.949.541	1.601.859.546	248,74%
Lợi nhuận khác	-178.891.834	-2.167.979.301	-1111,89%
Lợi nhuận trước thuế	-1.255.841.375	-566.119.755	54,92%
Lợi nhuận sau thuế	-1.255.841.375	-566.119.755	54,92%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	4,97	1,78	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	4,22	0,98	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,09	0,09	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,10	0,10	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	1,34	0,60	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,13	0,04	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(3,99)	(0,06)	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	(0,55)	(0,01)	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,50)	(0,01)	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(3,43)	(3,43)	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu. (Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 26/04/2021)

a) *Cổ phần*: Tổng số cổ phần đang lưu hành là 24.633.000 là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng./.

b) *Cơ cấu cổ đông*:

Cơ cấu vốn	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
1. Cổ đông trong nước	2.206	22.433.595	224.335.950.000	91,07%
a. <i>Pháp nhân</i>	25	1.245	12.450.000	0,01%
b. <i>Cá nhân</i>	2.181	22.432.350	224.323.500.000	91,06%
2. Cổ đông nước ngoài	27	2.199.405	21.994.050.000	8,93%
a. <i>Pháp nhân</i>	5	807.511	8.075.110.000	3,28%
b. <i>Cá nhân</i>	22	1.391.894	13.918.940.000	5,65%
Tổng cộng	1.800	24.633.000	246.330.000.000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường: Không

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 547.069 kwh

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: không.

6.4. Tiêu thụ nước: mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

- Nguồn nước sạch của Lượng nước sử dụng: 4000 m3/năm.

- Nguồn nước giếng khoan. lượng nước sử dụng 550m3/năm

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 VND

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động bình quân năm: 50

- Thu nhập bình quân người/tháng: 5 triệu đồng
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
 - Thực hiện cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, đảm bảo thu nhập ổn định cho CBCNV, tổ chức thường xuyên các buổi sinh hoạt tập thể, kỷ niệm các ngày lễ, tổ chức sinh nhật định kỳ hàng quý cho CBCNV;
 - Khen thưởng, khuyến khích động viên kịp thời các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong hoạt động SXKD;
 - Duy trì tốt việc tổ chức bữa ăn ca tại Công ty cho CBCNV;
 - Thường xuyên duy trì công tác toàn lao động, phòng chống cháy nổ.
- c) Hoạt động đào tạo người lao động
 - Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên
 - + Đào tạo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ 48 giờ/năm.
 - Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Không

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Công ty luôn hỗ trợ quỹ chất độc da cam; Hội người mù, đồng bào bão lụt ...

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2021, Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai tập trung chủ yếu cho việc đầu tư, xây dựng hoàn thiện dự án nhà máy tuyển khoáng phục vụ khai thác mỏ đa kim tại Xóm Ngọc Lâm, xã Cao Răm, huyện Lương Sơn và bản Đàng Long xã Bắc Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, bên cạnh đó Công ty cũng tìm các đối tác để hợp tác kinh doanh trong việc khai thác mỏ. Hiện tại nhà máy hoàn thiện công nghệ mới đi vào sản xuất. Hợp tác dưới sự giúp đỡ của các chuyên gia Úc và Nhật bản.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	31/12/2020	31/12/2021	Biến động
TÀI SẢN NGẮN HẠN	115.187.471.202	39.676.722.955	-75.510.748.247
Tiền và các khoản tương đương tiền	471.341.185	601.353.096	130.011.911
Các khoản phải thu ngắn hạn	95.752.097.021	18.938.347.299	-76.813.749.722
Hàng tồn kho	17.491.808.060	17.768.931.056	277.122.996
Tài sản ngắn hạn khác	1.472.224.936	2.368.091.504	895.866.568
TÀI SẢN DÀI HẠN	134.645.211.423	208.697.220.896	74.052.009.473
Tài sản cố định	5.132.770.377	16.641.438.750	11.508.668.373
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	34.200.000.000	47.850.000.000	13.650.000.000

Tài sản dở dang dài hạn	85.821.264.046	82.034.605.146	-3.786.658.900
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	249.832.682.625	248.373.943.851	-1.458.738.774

b) Tình hình nợ phải trả

NỢ PHẢI TRẢ	31/12/2020	31/12/2021
NỢ NGẮN HẠN	23.172.578.672	22.279.959.652
Phải trả người bán	19.329.550.809	18.333.486.789
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	192.402.645	634.402.645
Phải trả ngắn hạn khác	187.681.000	160.721.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.796.306.978	2.796.306.978
NỢ DÀI HẠN	-	-

Tính đến thời điểm 31/12/2021 Công ty không phải vay và nợ dài hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

+ Nâng cao chất lượng công tác đảm bảo kỹ thuật, an toàn, tiết kiệm chi phí vật tư nhiên liệu.

+ Các biện pháp về quản lý thiết bị, quản lý vật tư, nhiên liệu, kiểm soát chặt chẽ chi phí.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Công ty chú trọng đầu tư sâu vào lĩnh vực khai thác và kinh doanh khoáng sản.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

- Đối với việc không được tham gia chứng kiến kiểm kê: Tại thời điểm kiểm kê hàng tồn kho của Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình (là công ty con) do tình hình mưa lớn, địa hình, đường sá vào kho của chúng tôi tại Thôn đặng long, Huyện kim bôi, Hòa bình trơn trượt, dễ sạt lở nên chúng tôi không thể bố trí đoàn Kiểm toán có mặt tại kho để tham gia chứng kiến kiểm kê Hàng tồn kho. Sau khi thời tiết ổn định, tình hình đường sá được khắc phục và đảm bảo an toàn đi lại, việc tham gia chứng kiến kiểm kê của Kiểm toán cho mục đích lập và Soát xét Báo cáo 06 tháng đầu năm 2021 là hoàn toàn khả thi, theo đó sẽ không còn ý kiến ngoại trừ về vấn đề này trong Báo cáo tài chính kiểm toán, Soát xét tiếp theo của Công ty.
- Đối với vấn đề hoạt động của Công ty: Hiện tại, Công ty đang tập trung vào việc đầu tư khai thác mỏ Vàng của Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình (là công ty con) và đang tiếp tục nghiên cứu thị trường để đưa ra hướng đi mới, tìm kiếm các loại mặt hàng có thể tạo ra lợi nhuận cho Công ty.
- Chúng tôi cũng xin cam kết và đảm bảo về khả năng hoạt động liên tục của Công ty ở thời điểm hiện tại cũng như trong thời gian tới.

1. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Do đặc thù của Công ty là khai thác mỏ nên vấn đề an toàn lao động luôn được quan tâm. Công ty đã thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động như: mua bảo hiểm, trang bị các

công cụ, dụng cụ đảm bảo an toàn trong quá trình lao động, hướng dẫn người lao động thực hiện các biện pháp an toàn...

Ngoài ra, Công ty luôn tích cực tham gia vào bảo vệ môi trường và công tác xã hội nhằm xây dựng nông thôn mới và giúp đỡ địa phương theo khả năng thực tế của Công ty

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Trong năm qua, để phục vụ cho công tác quản trị Công ty, Hội đồng quản trị tổ chức họp 09 lần, đã ban hành 09 nghị quyết. Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt quyền hạn của mình trong việc giám sát, triển khai và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Tổng Giám đốc.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã phối hợp tốt và thỏa mãn các yêu cầu của Ban kiểm soát nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát phát huy đầy đủ chức năng và hoàn thành nhiệm vụ của mình trong năm 2021.

Bên cạnh việc nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đề ra, Công ty luôn quan tâm đến đời sống và đảm bảo các quyền lợi của người lao động như chế độ BHXH, BHYT, BHTN...

Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty cũng quan tâm tạo điều kiện để các tổ chức chính trị xã hội trong doanh nghiệp hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc Công ty.

Trong năm 2021, trong điều kiện sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn về nhiều mặt, Ban Tổng giám đốc Công ty đã có những nỗ lực đáng kể nhằm ổn định và duy trì sản xuất kinh doanh, cũng như trong việc nỗ lực thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu do Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đề ra, ổn định nhập cho người lao động của Công ty, tạo cơ sở cho việc ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh trong năm 2022 và những năm sắp tới.

- Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2022 được đánh giá là năm vẫn còn nhiều khó khăn và thuận lợi đan xen lẫn nhau do tình hình thế giới có nhiều biến động khó lường, dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp. Trên cơ sở tiềm lực và các nguồn lực hiện có, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục tăng cường trách nhiệm của mình trong việc chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu trình đại hội. Cụ thể:

Duy trì việc họp định kỳ của Hội đồng quản trị, trong trường hợp cần thiết có thể tổ chức họp bất thường, kịp thời ban hành các nghị quyết, quyết định theo thẩm quyền nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của Công ty, giúp quá trình vận hành của doanh nghiệp ngày càng phù hợp với các quy định hiện hành và thực tiễn sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục chỉ đạo, nghiên cứu và ban hành/sửa đổi để không ngừng hoàn thiện các quy định về quản trị nội bộ để không ngừng nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp theo hướng công khai, minh bạch, nâng cao hiệu lực quản lý trong công tác điều hành.

Trước mắt thực hiện một số giải pháp cụ thể: (i) tiếp tục thực hiện nhiệm vụ vừa phòng chống dịch hiệu quả vừa ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh trong tình hình mới; (ii) tăng cường quản lý các định mức kinh tế - kỹ thuật, bố trí nhân sự phù hợp nhằm nâng cao hiệu lực quản lý điều hành; (iii) tiếp tục nghiên cứu đầu tư các máy móc thiết bị phù hợp nhằm nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm.

V. Quản trị công ty

1. Thành viên HĐQT

a) Thành viên và cơ cấu HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành))	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Khắc Kim	Chủ tịch HĐQT	14/04/2016	24/06/2021
2	Ông Vũ Đình Vinh	Chủ tịch HĐQT	24/06/2021	
3	Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	26/05/2016	
4	Ông Lê Hồng Vượng	Thành viên HĐQT	20/05/2016	24/06/2021
5	Ông Ngô Trường An	Thành viên HĐQT	14/6/2014	
6	Ông Hoàng Quốc Tùng	Thành viên HĐQT độc lập/không điều hành	24/06/2020	
7	Ông Bùi Thanh Bình	Thành viên HĐQT độc lập/ không điều hành	24/06/2020	

Năm 2021, HĐQT đã chỉ đạo điều hành Công ty tuân thủ theo đúng các quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ. Cụ thể:

- Triển khai việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên đến Ban giám đốc và các bộ phận của Công ty;
- HĐQT thống nhất cao về mục tiêu củng cố, ổn định phát triển sản xuất kinh doanh; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước, luôn quan tâm đến việc làm, đời sống vật chất tinh thần, thực hiện chế độ chính sách người lao động theo quy định;
- Ban hành các nghị quyết thống nhất về chủ trương, chính sách của Công ty trong các hoạt động quản lý điều hành, đầu tư, dịch vụ...
- Bàn bạc với Ban kiểm soát quyết định lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện Kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không thành lập các tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐQT	29/03/2021	Nghị quyết HĐQT Về việc Thành lập Ban Kiểm toán nội bộ	100%
2	Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐQT	02/04/2021	Nghị quyết HĐQT Gia hạn thời gian tổ chức Đại hội	100%

			đồng cổ đông thường niên năm 2021	
3	Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐQT	06/04/2021	Nghị quyết HĐQT về việc Về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100%
4	Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐQT	25/06/2021	Nghị quyết HĐQT Về việc bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026	100%
5	Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐQT	29/06/2021	Nghị quyết HĐQT về việc Thông qua phương án cho vay	100%
6	Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐQT	30/06/2021	Nghị quyết HĐQT Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021	100%
7	Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐQT	07/07/2021	Nghị quyết HĐQT Thông qua phương án đầu tư	100%
8	Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐQT	18/11/2021	Nghị quyết HĐQT Thông qua việc ban hành Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty; Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT	100%
9	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐQT	19/11/2021	Nghị quyết HĐQT Thông qua việc ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty	100%

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập: Năm 2021 Tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và theo dõi, giám sát công tác quản lý của Ban Giám đốc.

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Gồm 03 thành viên gồm Trưởng Ban kiểm soát và 02 thành viên

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nhữ Ngọc Quang	Trưởng BKS	26/06/2019	Cử nhân Kế toán

2	Ông Ngô Gia Huy	Thành viên BKS	20/05/2016	Cử nhân kinh tế
3	Bà Bùi Lan Anh	Thành viên BKS	20/05/2016	Cử nhân kinh tế

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã thực và tiến hành các hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như tuân thủ các quy định khác của Pháp luật:

- Thực hiện giám sát hoạt động và tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty;
- Kiểm soát các báo cáo tài chính quý và báo cáo năm, nhằm đánh giá tính hợp lý và chính xác của các số liệu tài chính trước khi trình Hội đồng quản trị;
- Kiểm soát việc chấp hành chế độ chi tiêu nội bộ Công ty;
- Các công việc theo quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Ban Giám đốc:

1. Nguyễn Đức Thắng: 96.000.000 đồng

- Hội Đồng quản trị:

1. Hoàng Quốc Tùng: 60.000.000 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Stt No.	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty luôn chú trọng công tác cập nhật các quy định mới ban hành về quản trị công ty, và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ Công ty.
- Bên cạnh đó, Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện để các thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên BKS, các cán bộ quản lý tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty.

Nơi nhận:

- Sở giao dịch CK, UBCK;

- Lưu: VT,

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY**



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Thắng

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ
CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý IV năm 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	3
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	4
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	5 - 18

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		39.676.722.955	115.187.471.202
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	601.353.096	471.341.185
1. Tiền	111		601.353.096	471.341.185
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.938.347.299	95.752.097.021
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	2	2.725.329.201	14.743.537.640
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		564.021.496	484.000.000
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	70.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	3	15.648.996.602	10.234.849.381
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(210.290.000)
IV. Hàng tồn kho	140	4	17.768.931.056	17.491.808.060
1. Hàng tồn kho	141		17.768.931.056	17.491.808.060
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.368.091.504	1.472.224.936
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.368.091.504	1.472.224.936
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		208.697.220.896	134.645.211.423
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		62.171.177.000	13.671.177.000
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		62.000.000.000	13.500.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		171.177.000	171.177.000
II. Tài sản cố định	220		16.641.438.750	5.132.770.377
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5	16.641.438.750	5.132.770.377
- Nguyên giá	222		29.565.682.547	15.879.023.647
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.924.243.797)	(10.746.253.270)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		82.034.605.146	85.821.264.046
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6	82.034.605.146	85.821.264.046
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		47.850.000.000	30.020.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		47.850.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	34.200.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(4.180.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		248.373.943.851	249.832.682.625

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		22.279.959.652	23.172.578.672
I. Nợ ngắn hạn	310		22.279.959.652	23.172.578.672
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	7	18.333.486.789	19.329.550.809
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		355.042.240	666.637.240
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		634.402.645	192.402.645
4. Phải trả người lao động	314		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	8	160.721.000	187.681.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.796.306.978	2.796.306.978
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		226.093.984.199	226.660.103.953
I. Vốn chủ sở hữu	410	9	226.093.984.199	226.660.103.953
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		246.330.000.000	246.330.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		246.330.000.000	246.330.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(1.910.000)	(1.910.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.145.322.665	5.145.322.665
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.796.306.978	2.796.306.978
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(36.304.213.691)	(35.722.436.589)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(35.722.436.589)	(34.612.993.096)
- LNST chưa phân phối kỳ này'	421b		(581.777.102)	(1.109.443.493)
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		8.128.478.247	8.112.820.899
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		248.373.943.851	249.832.682.625



Nguyễn Đức Thắng
Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 24 tháng 01 năm 2022

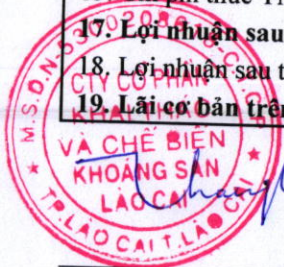
Nguyễn Thị Hoa
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý IV năm 2021

MẪU B 02-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	11	2.962.390.000	16.351.896.000	9.787.945.600	31.437.792.800
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.962.390.000	16.351.896.000	9.787.945.600	31.437.792.800
4. Giá vốn hàng bán	11	12	3.673.830.000	15.865.386.154	10.724.010.673	31.096.919.173
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(711.440.000)	486.509.846	(936.065.073)	340.873.627
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	13	750.159.596	1.248.292.210	3.571.340.333	3.147.245.512
7. Chi phí tài chính	22	14	-	901.340	-	2.671.940
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	15	320.718.767	338.037.184	1.033.415.714	1.185.213.237
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(281.999.171)	1.395.863.532	1.601.859.546	2.300.233.962
11. Thu nhập khác	31		-	-	-	10.000.000
12. Chi phí khác	32		1.753.268.732	371.716	2.167.979.301	188.891.834
13. Lợi nhuận khác	40		(1.753.268.732)	(371.716)	(2.167.979.301)	(178.891.834)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.035.267.903)	1.395.491.816	(566.119.755)	2.121.342.128
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	16	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.035.267.903)	1.395.491.816	(566.119.755)	2.121.342.128
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62		(21.015.540)	38.942.356	15.657.347	22.461.294
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	17	(82,62)	57	(22,98)	86,12



Nguyễn Đức Thắng
Tổng Giám đốc
Lào Cai, ngày 24 tháng 01 năm 2022

Nguyễn Thị Hoa
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

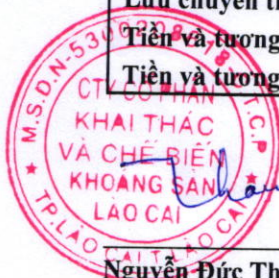
Quý IV năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2021	Năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(566.119.755)	2.121.342.128
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.177.990.527	568.520.119
- Các khoản dự phòng			(4.180.000.000)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.571.340.333)	(3.147.245.512)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(6.139.469.561)	(457.383.265)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.989.113.709	(16.194.834.716)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(277.122.996)	11.284.327.556
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(892.619.020)	17.127.706.159
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.679.902.132	11.759.815.734
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.900.000.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	10.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.500.000.000)	(81.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		27.500.000.000	55.800.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(47.850.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		34.200.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		109.779	3.147.245.512
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.549.890.221)	(22.042.754.488)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		130.011.911	(10.282.938.754)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		471.341.185	10.925.456.939
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		601.353.096	642.518.185



Nguyễn Đức Thắng
Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 24 tháng 01 năm 2022

Nguyễn Thị Hoa
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Gia Long là Công ty TNHH có hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 1202100192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp Đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 09 năm 2002. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về loại hình doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 18, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp ngày 05/06/2021 với mã số doanh nghiệp là 5300208618.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác quặng kim loại quý hiếm: Chi tiết: Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại đen, kim loại màu;
- Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Tư vấn hỗ trợ các hoạt động khai thác khoáng sản;
- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán, xuất nhập khẩu dầu thô, than và các sản phẩm của chúng;
- Mua bán hóa chất, vật tư, phân bón phục vụ công, nông nghiệp;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng nông sản, lâm sản, thủy sản;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Than, đá, cát, sỏi;
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Than, đá, cát, sỏi;
- Khai thác quặng sắt;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Hoạt động ngoại giao;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác dầu thô;
- Khai thác khí đốt tự nhiên;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác muối;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Cát tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Xây dựng công trình công ích;
- Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.

Công ty có trụ sở chính tại Số nhà 28B .đường Phan Đình Giót, Phường Lào Cai . Thành phố Lào Cai. Tỉnh Lào Cai

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG VÀ THỰC HIỆN CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ Kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty thực hiện các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán: Nhật ký chung – Kế toán trên máy vi tính.

I. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ xuất phục vụ sản xuất kinh doanh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng và các quy định kế toán hiện hành.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	596.369.716	466.064.912
Tiền gửi ngân hàng	4.983.380	5.276.273
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	601.353.096	471.341.185

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B 09-DN/HN

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	2.725.329.201	14.743.537.640
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
Cộng	2.725.329.201	14.743.537.640

3. Các khoản phải thu khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
PT về tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	13.248.996.602	7.234.849.381
Tạm ứng	2.400.000.000	3.000.000.000
Phải thu khác	-	-
Cộng	15.648.996.602	10.234.849.381

4. Hàng tồn kho

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.192.373.699	3.164.862.861
Công cụ, dụng cụ	107.900.000	107.900.000
Chi phí SX, KD dở dang	14.468.657.357	13.969.091.726
Thành phẩm	-	-
Hàng hóa	-	249.953.473
Cộng	17.768.931.056	17.491.808.060

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2021	10.275.725.134	4.548.692.880	963.104.633	91.501.000	15.879.023.647
Tăng trong năm	13.686.658.900	-	-	-	13.686.658.900
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	23.962.384.034	4.548.692.880	963.104.633	91.501.000	29.565.682.547

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư tại 01/01/2021	7.172.954.757	2.518.692.880	963.104.633	91.501.000	10.746.253.270
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	1.771.990.527	406.000.000	-	-	2.177.990.527
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	8.944.945.284	2.924.692.880	963.104.633	91.501.000	12.924.243.797

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số dư tại 01/01/2021	3.102.770.377	2.030.000.000	-	-	5.132.770.377
Số dư tại 31/12/2021	15.017.438.750	1.624.000.000	-	-	16.641.438.750

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự án khai thác vàng tại Hòa Bình	82.034.605.146	85.821.264.046
CP XDCB khác	-	-
Cộng	82.034.605.146	85.821.264.046

7. Phải trả người bán

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	18.333.486.789	19.329.550.809
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-
Cộng	18.333.486.789	19.329.550.809
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-

8. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	160.721.000	187.681.000
Bảo hiểm xã hội	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	160.721.000	187.681.000
Dài hạn	-	-
Cộng	160.721.000	187.681.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃU B 09-DN/HN

9. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	-	2.796.306.978	(34.612.993.096)	219.656.726.547
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	(1.109.443.493)	(1.109.443.493)
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	-	2.796.306.978	(35.722.436.589)	218.547.283.054
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	(581.777.102)	(581.777.102)
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	-	2.796.306.978	(36.304.213.691)	217.965.505.952

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại 31/12/2021

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Những cổ đông khác	246.330.000.000	246.330.000.000
Cộng	246.330.000.000	246.330.000.000

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong kỳ

* Số lượng cổ phiếu quỹ: 191 CP

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	246.330.000.000	246.330.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	246.330.000.000	246.330.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
Cổ phiếu		

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.633.000	24.633.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	24.633.000	24.633.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông	191	191
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	24.632.809	24.632.809
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá Cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đồng/CP	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BC KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

10. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý IV /2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV /2021	Quý IV /2020	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV /2020
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	2.962.390.000	9.787.945.600	16.351.896.000	31.437.792.800
Cộng	2.962.390.000	9.787.945.600	16.351.896.000	31.437.792.800

11. Giá vốn hàng bán

	Quý IV /2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV /2021	Quý IV /2020	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV /2020
	VND	VND	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ	3.673.830.000	10.724.010.673	15.865.386.154	31.096.919.173
Cộng	3.673.830.000	10.724.010.673	15.865.386.154	31.096.919.173

12. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV /2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV /2021	Quý IV /2020	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV /2020
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi vay	750.159.596	3.571.340.333	1.248.292.210	3.147.245.512
Cộng	750.159.596	3.571.340.333	1.248.292.210	3.147.245.512

13. Chi phí hoạt động tài chính

	Quý IV /2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV /2021	Quý IV /2020	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV /2020
	VND	VND	VND	VND
Chi phí tài chính khác	-	-	901.340	2.671.940
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-	-
Cộng	-	-	901.340	2.671.940

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý IV /2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV /2021	Quý IV /2020	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV /2020
	VND	VND	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	320.718.767	1.033.415.714	338.037.184	1.185.213.237
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	-	-	-	-
Cộng	320.718.767	1.033.415.714	338.037.184	1.185.213.237

15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý IV /2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV /2021	Quý IV /2020	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV /2020
	VND	VND	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	(2.035.267.903)	(566.119.755)	1.395.491.816	2.121.342.128
Điều chỉnh tăng	-	-	-	-
Điều chỉnh giảm	-	-	-	-
Thu nhập chịu thuế	-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-

16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý IV/2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV /2021	Quý IV /2020	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV /2020
	Lợi nhuận kế toán sau thuế	(2.035.267.903)	(566.119.755)	1.395.491.816
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (*)	24.632.809	24.632.809	24.632.809	24.632.809
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(82,62)	(23)	57	86,12

(*) Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Quý IV /2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV /2021	Quý IV /2020	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV /2020
Cổ phiếu phổ thông đang	24.633.000	24.633.000	24.633.000	24.633.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

lưu hành đầu kỳ				
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	191	191	191	191
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.632.809	24.632.809	24.632.809	24.632.809

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản nợ tiềm tàng

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

2.1 Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

	Năm Nay	Năm trước
Thu nhập của Ban Giám đốc		
+ Ông Nguyễn Đức Thắng	96.000.000	96.000.000
Thu nhập của thành viên Hội Đồng quản trị		
+ Ông Vũ Hoài Duy	-	84.000.000
+ Ông Hoàng Quốc Tùng	60.000.000	-
Cộng	156.000.000	180.000.000

3. Báo cáo bộ phận

Trong kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, doanh thu chính của Công ty phát sinh chủ yếu trên cùng một địa bàn, do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận.

4. Các sự kiện sau ngày khóa sổ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

5. Thông tin khác

Giải trình về kết quả kinh doanh hợp nhất Quý IV /2021 :

Chỉ tiêu	Quý IV /2021	Quý IV /2020	Tăng/giảm	Tỷ lệ %
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(2.035.267.903)	(566.119.755)	(1.469.148.148)	(260%)

Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo hợp nhất của Quý IV năm 2021 là : (2.035.267.903) . Nguyên nhân chủ yếu do Công ty mẹ có các khoản chi phí tăng cao tại thời điểm Quý IV.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo



Nguyễn Đức Thắng

Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 24 tháng 01 năm 2022

Nguyễn Thị Hoa

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu

